

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Thanh Dũ.**

- Bà **Trần Thị Thu Thảo.**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành**—Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2021/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Huyền T1**, sinh năm 1996 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn T2**, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Huyền T1** và anh **Nguyễn Tấn T2** chung sống với nhau vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 13-8-2020. Thời gian đầu chị T1 và anh T2 chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị T1 và anh T2 bất đồng quan điểm sống với nhau, chị và anh T2 đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt.

Chị và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T1 xin ly hôn với anh T2.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

***Bị đơn anh Nguyễn Tân T2:**

Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Thảo không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trinh cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T2 vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị T1 có đơn xin vắng mặt; anh T2 vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, anh T2 là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị T1 và anh T2 chung sống với nhau vào tháng 6/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang; anh T2 có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị T1 khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”.

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị T1 và anh T2 chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị T1 và anh T2 bất đồng quan điểm sống với nhau, chị và anh T2 đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T1 xin ly hôn với anh T2 là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1,

cho chị T1 được ly hôn với anh T2 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Huyền T1

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Huyền T1 được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T2.

2. Về án phí: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 21026 ngày 13-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T1 đã thi hành xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Chị T1, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Toàn